

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP \* KHOA K14KTR  
MÔN : KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP \* SỐ TÍN CHỈ : 03

MÃ MÔN : CIH - 376                      Học kỳ : 8  
Lần thi : 2

Thời gian : 7h30 - 09/09/2012

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN       | TÊN   | LỚP     | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP |    |    |     |    |     |    |    |     |     | ĐIỂM T. KẾT   |       | GHI CHÚ |
|-----|--------------|-----------------|-------|---------|-------------------------------|----|----|-----|----|-----|----|----|-----|-----|---------------|-------|---------|
|     |              |                 |       |         | A                             | P  | Q  | H   | L  | M   | I  | G  | F   | SỐ  | CHỮ           |       |         |
|     |              |                 |       |         | 15%                           | 0% | 0% | 15% | 0% | 15% | 0% | 0% | 55% |     |               |       |         |
| 1   | 122230538    | PHÙNG TUẤN      | AN    | K14KTR1 | 2                             |    |    | 6   |    | 0   |    |    | LP  | 0.0 | Không         | NỢ LP |         |
| 2   | 132234893    | NGUYỄN QUANG    | SÁNG  | K14KTR1 | 6.5                           |    |    | 8.5 |    | 7   |    |    | 5   | 6.1 | Sáu phẩy Một  |       |         |
| 3   | 132234899    | HOÀNG CHIẾN     | THẮNG | K14KTR1 | 6.5                           |    |    | 6   |    | 7.5 |    |    | 4.5 | 5.5 | Năm phẩy Năm  |       |         |
| 4   | 132234933    | TRỊNH HỒNG      | TUẤN  | K14KTR1 | 3                             |    |    | 6   |    | 0   |    |    | 4.5 | 3.8 | Ba phẩy Tám   |       |         |
| 5   | 142231400    | NGUYỄN ĐÌNH     | HUY   | K14KTR1 | 4                             |    |    | 6   |    | 7   |    |    | 4   | 4.8 | Bốn phẩy Tám  |       |         |
| 6   | 142231406    | PHAN THỊ MỸ     | LINH  | K14KTR1 | 9.5                           |    |    | 9   |    | 6   |    |    | 5   | 6.4 | Sáu phẩy Bốn  |       |         |
| 7   | 142231434    | NGUYỄN QUANG    | THÁI  | K14KTR1 | 7.5                           |    |    | 6   |    | 8   |    |    | 5   | 6.0 | Sáu           |       |         |
| 8   | 142231442    | NGUYỄN KIM      | THỊNH | K14KTR1 | 2                             |    |    | 6   |    | 7   |    |    | 4   | 4.5 | Bốn phẩy Năm  |       |         |
| 9   | 142231448    | HOÀNG           | TRỊ   | K14KTR1 | 5                             |    |    | 6   |    | 7   |    |    | 5   | 5.5 | Năm phẩy Năm  |       |         |
| 10  | 142234512    | LÊ HOÀNG        | LONG  | K14KTR1 | 2                             |    |    | 6   |    | 8   |    |    | 4   | 4.6 | Bốn phẩy Sáu  |       |         |
| 11  | 142234514    | TRẦN VĂN        | NHỰT  | K14KTR1 | 2                             |    |    | 7   |    | 0   |    |    | LP  | 0.0 | Không         | NỢ LP |         |
| 12  | 142234539    | NGUYỄN NGỌC BẢO | CHÂU  | K14KTR1 | 7                             |    |    | 7.5 |    | 4   |    |    | 6.5 | 6.4 | Sáu phẩy Bốn  |       |         |
| 13  | 142234544    | TRẦN DUY        | MẠNH  | K14KTR1 | 7                             |    |    | 6   |    | 6   |    |    | 5.5 | 5.9 | Năm phẩy Chín |       |         |
| 14  | 142234585    | PHẠM QUANG      | HUY   | K14KTR1 | 6                             |    |    | 6   |    | 5.5 |    |    | 6.5 | 6.2 | Sáu phẩy Hai  |       |         |
| 15  | 142234643    | ĐÌNH NAM        | CA    | K14KTR1 | 5                             |    |    | 6   |    | 6   |    |    | 6   | 5.9 | Năm phẩy Chín |       |         |
| 16  | 132234841    | VÕ VĂN          | HẠNH  | K14KTR2 | 2                             |    |    | 0   |    | 0   |    |    | LP  | 0.0 | Không         | NỢ LP |         |
| 17  | 132234884    | CHU VĂN         | PHƯỚC | K14KTR2 | 6                             |    |    | 6   |    | 5.5 |    |    | 4   | 4.8 | Bốn phẩy Tám  |       |         |
| 18  | 142231419    | TRẦN XUÂN       | NGHĨA | K14KTR2 | 6                             |    |    | 6   |    | 4   |    |    | 4.5 | 4.9 | Bốn phẩy Chín |       |         |
| 19  | 142231420    | HOÀNG NGỌC TUẤN | NHÂN  | K14KTR2 | 2                             |    |    | 6   |    | 5   |    |    | 4   | 4.2 | Bốn phẩy Hai  |       |         |
| 20  | 142231430    | TRẦN NGỌC       | TÀI   | K14KTR2 | 5                             |    |    | 6   |    | 4.5 |    |    | 1   | 0.0 | Không         |       |         |
| 21  | 142231432    | NGUYỄN NHẬT     | TÂN   | K14KTR2 | 4                             |    |    | 6   |    | 4   |    |    | 7.5 | 6.2 | Sáu phẩy Hai  |       |         |
| 22  | 142231433    | TRẦN PHI        | THÀNH | K14KTR2 | 5                             |    |    | 6   |    | 5   |    |    | 4   | 4.6 | Bốn phẩy Sáu  |       |         |
| 23  | 142231450    | LÊ HOÀNG        | TRỌNG | K14KTR2 | 7.5                           |    |    | 8.5 |    | 5   |    |    | 5.5 | 6.2 | Sáu phẩy Hai  |       |         |
| 24  | 142231455    | LÊ NGỌC         | TUẤN  | K14KTR2 | 7                             |    |    | 6   |    | 5.5 |    |    | 5.5 | 5.8 | Năm phẩy Tám  |       |         |
| 25  | 142231471    | VÕ ĐẠI          | VINH  | K14KTR2 | 3                             |    |    | 6   |    | 5.5 |    |    | 5   | 4.9 | Bốn phẩy Chín |       |         |
| 26  | 142234504    | NGUYỄN ĐỨC      | CÔNG  | K14KTR2 | 5                             |    |    | 8   |    | 5.5 |    |    | 5   | 5.5 | Năm phẩy Năm  |       |         |
| 27  | 142234506    | PHAN THÁI       | DƯƠNG | K14KTR2 | 7                             |    |    | 6   |    | 5.5 |    |    | 6   | 6.1 | Sáu phẩy Một  |       |         |
| 28  | 142234509    | TRẦN THỊ KIM    | HƯỜNG | K14KTR2 | 7                             |    |    | 7   |    | 7.5 |    |    | 7   | 7.1 | Bảy phẩy Một  |       |         |
| 29  | 142234587    | LÊ TRỌNG        | LONG  | K14KTR2 | 7                             |    |    | 6   |    | 5   |    |    | 4   | 4.9 | Bốn phẩy Chín |       |         |
| 30  | 142234955    | NGUYỄN ANH      | TUẤN  | K14KTR2 | 5                             |    |    | 6   |    | 0   |    |    | 5   | 4.4 | Bốn phẩy Bốn  |       |         |
| 1   | 4919         | VŨ VĂN          | TIẾN  | K13KTR  | 4                             |    |    | 6   |    | 6   |    |    | 4   | 4.6 | Bốn phẩy Sáu  |       |         |
| 2   | 0599         | ĐẶNG HỒNG       | QUANG | K13KTR  | 0                             |    |    | 0   |    | 0   |    |    | LP  | 0.0 | Không         | NỢ LP |         |

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

| STT | NỘI DUNG THỐNG KÊ | SỐ | TỶ LỆ | GHI CHÚ |
|-----|-------------------|----|-------|---------|
|-----|-------------------|----|-------|---------|

Thời gian : 7h30 - 09/09/2012

| STT         | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN        | LỚP | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP |    |    |     |    |     |    |    | ĐIỂM T. KẾT |    | GHI CHÚ |     |
|-------------|--------------|------------------|-----|-------------------------------|----|----|-----|----|-----|----|----|-------------|----|---------|-----|
|             |              |                  |     | A                             | P  | Q  | H   | L  | M   | I  | G  |             |    |         | F   |
|             |              |                  |     | 15%                           | 0% | 0% | 15% | 0% | 15% | 0% | 0% | 55%         | SỐ |         | CHỮ |
|             | 1            | Số sinh viên đạt | 26  | 81%                           |    |    |     |    |     |    |    |             |    |         |     |
|             | 2            | Số sinh viên nợ  | 6   | 19%                           |    |    |     |    |     |    |    |             |    |         |     |
| TỔNG CỘNG : |              |                  | 32  | 100%                          |    |    |     |    |     |    |    |             |    |         |     |

Đà Nẵng, 19/09/2012

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA  
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH  
(Ký và ghi rõ họ tên)

VÕ QUỐC TOÀN

TRẦN THỊ LAN ANH

LÊ THỊ THU HÀ

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ